



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dược phẩm TW25

Ngày 30/09/2025	9,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.1%	-6.8%	-3.0%

DT thuần Q3/25
26.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.40 31.3%
YoY: ▲ 2.50 10.3%

LN thuần Q3/25
0.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.64 583%
YoY: ▲ 0.18 51.8%

LN sau thuế Q3/25
0.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.62 562%
YoY: ▲ 0.16 45.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.4%
YoY: +/-▲ 2.9%

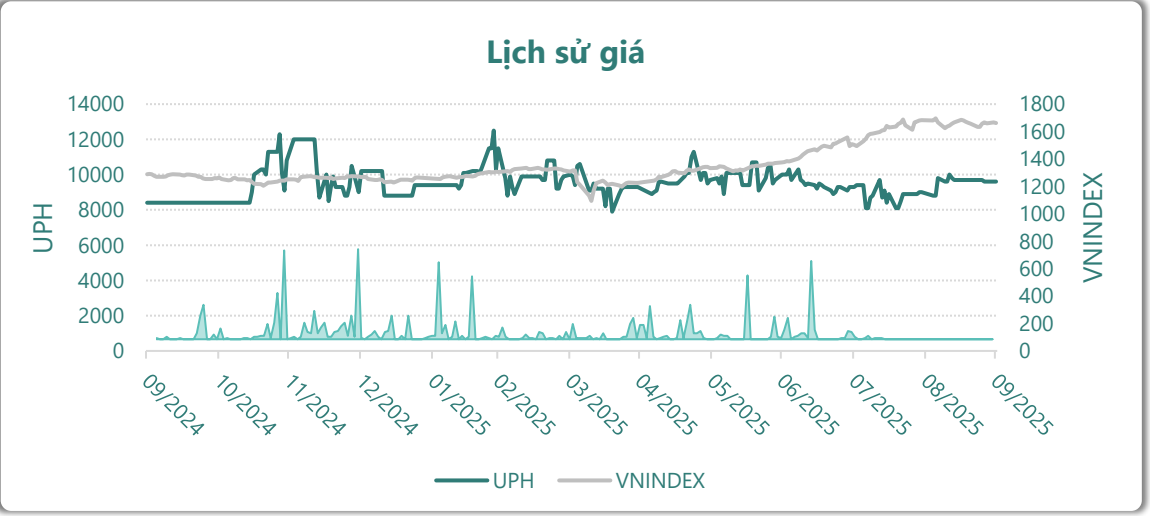
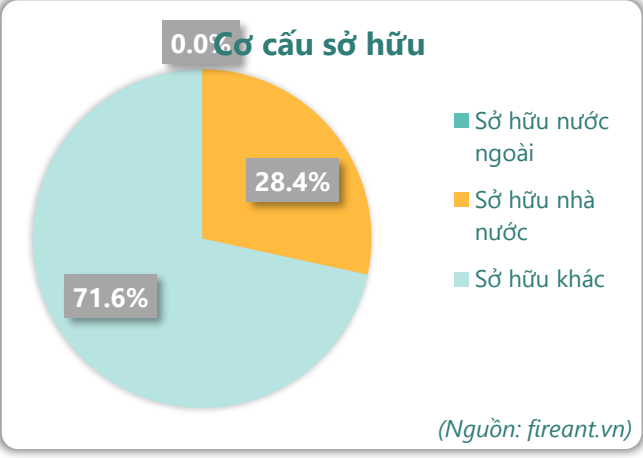
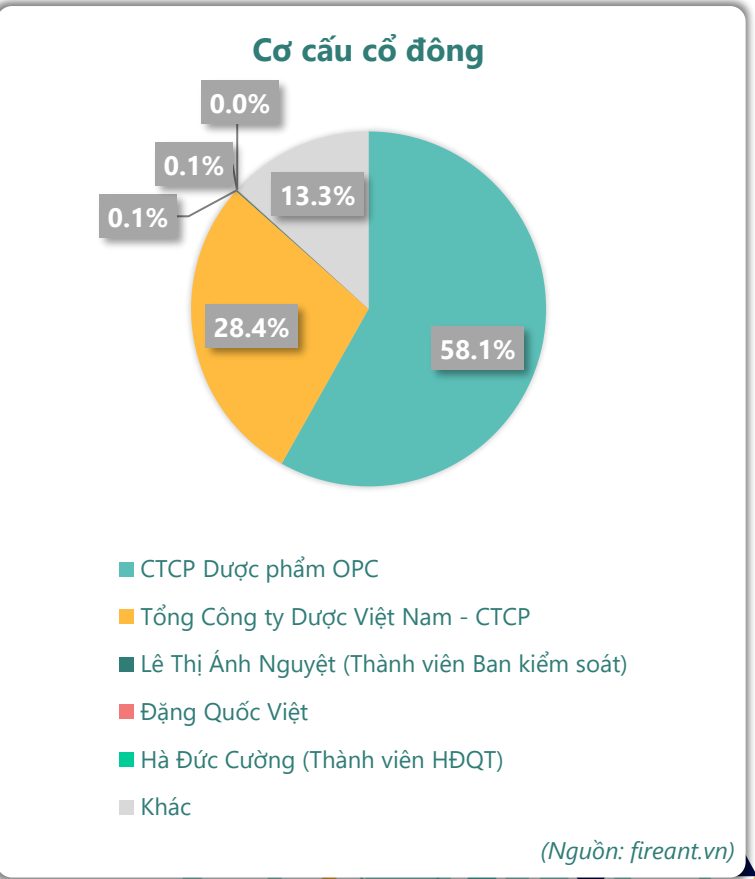
ROE (TTM) Q3/25
1.2%
YoY: +/-▲ 0.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,900 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	128
Số lượng CPLH (CP)	13,294,641
KLGD BQ 20 phiên (CP)	355
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.02
EPS	142
P/E	67.4

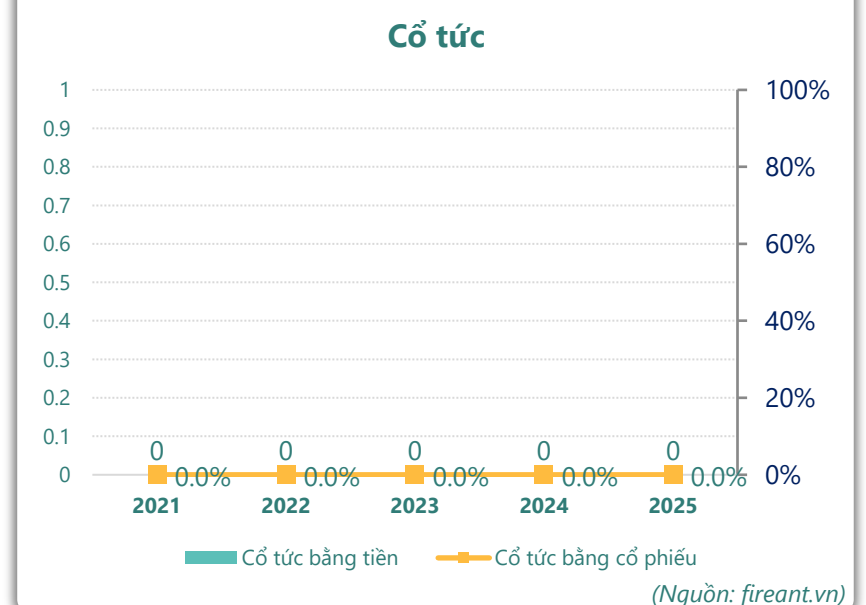
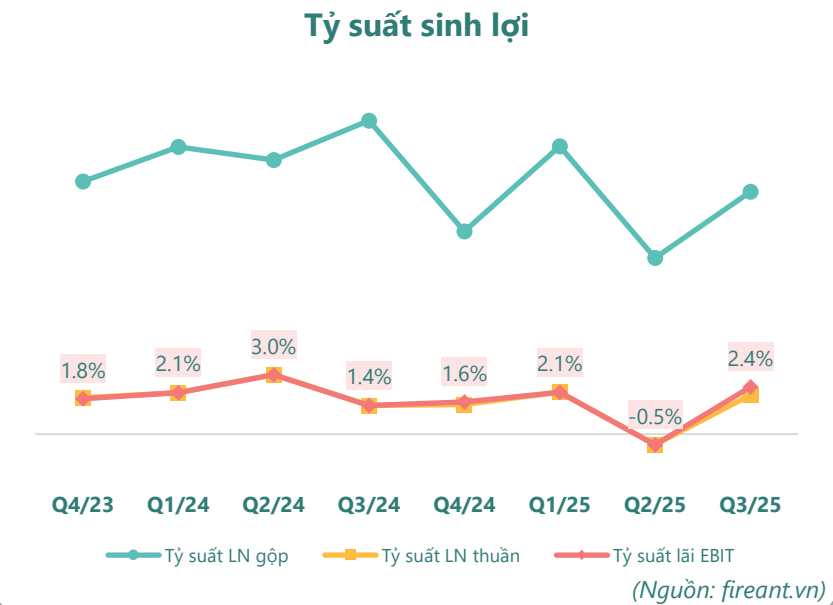
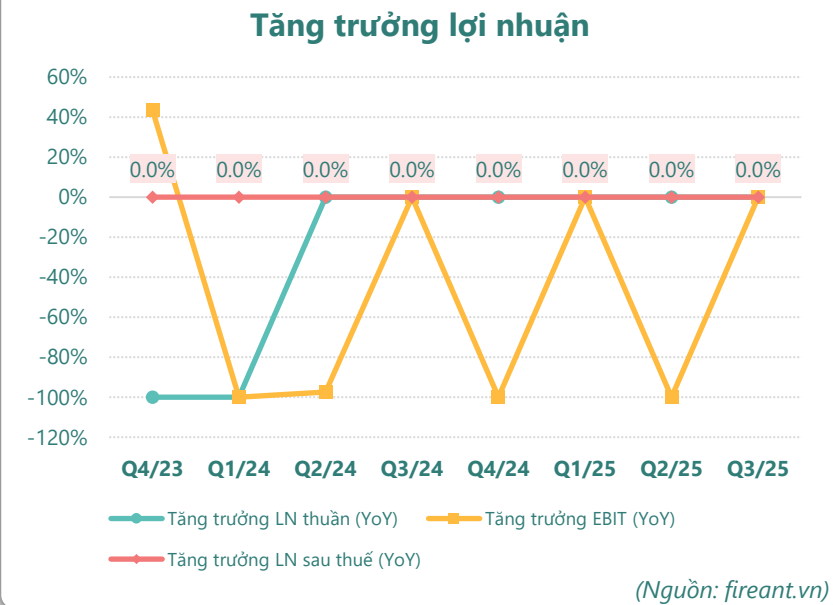
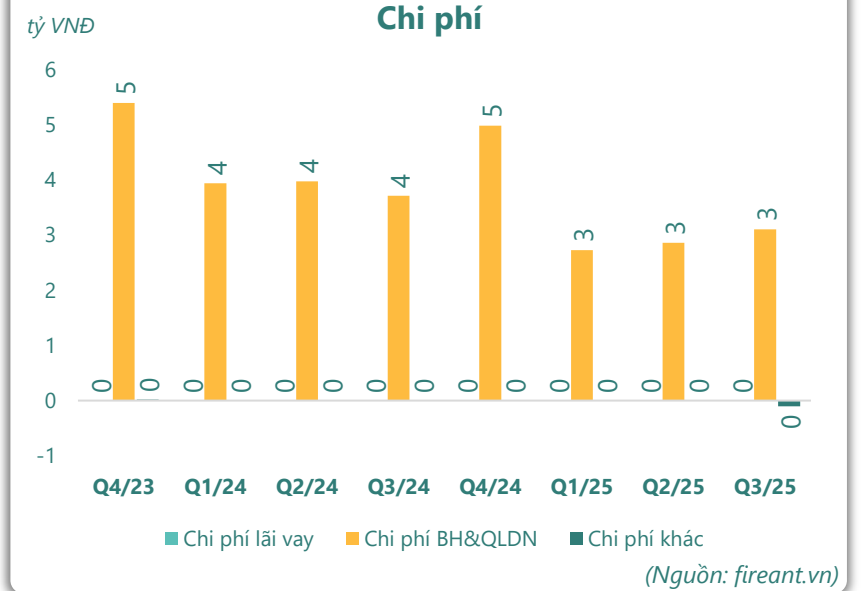
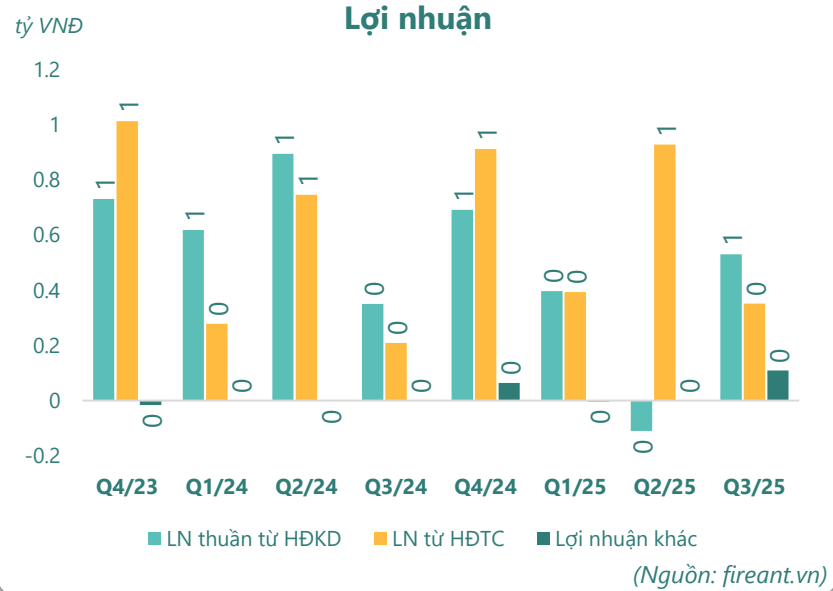
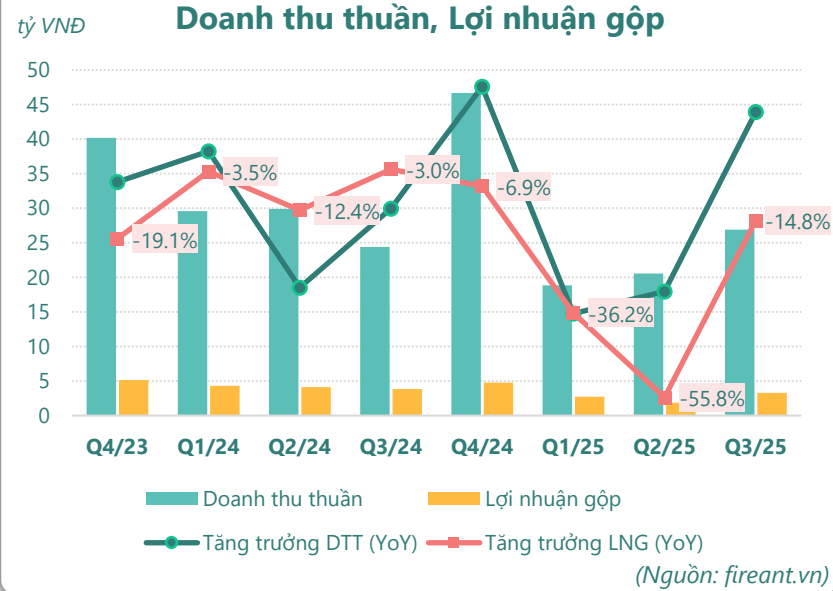
DT thuần 9T 2025
66.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.6 -21.0%

LN thuần 9T 2025
0.82
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.05 -56.1%

LN sau thuế 9T 2025
0.69
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.17 -63.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH



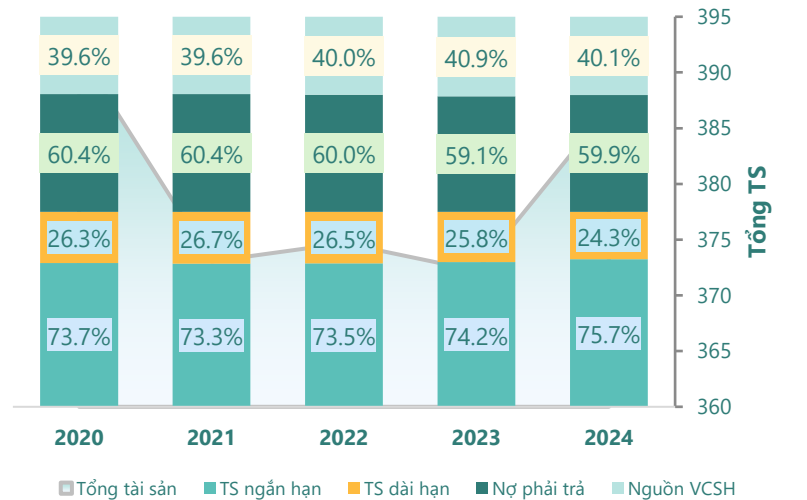


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

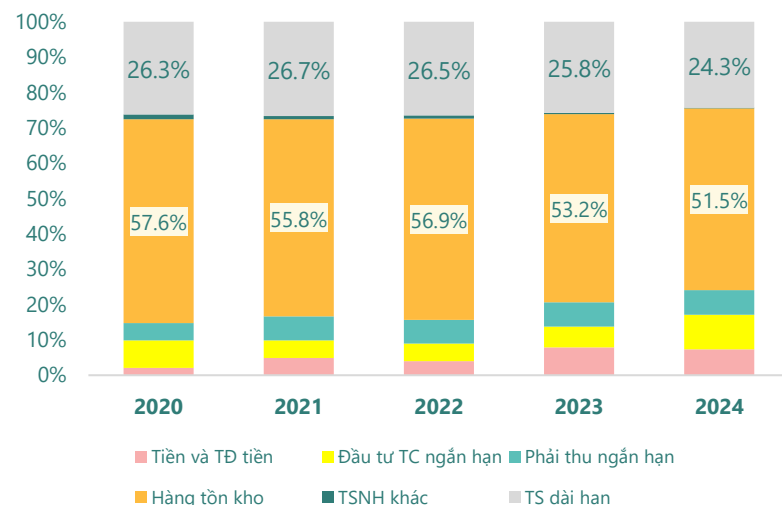
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

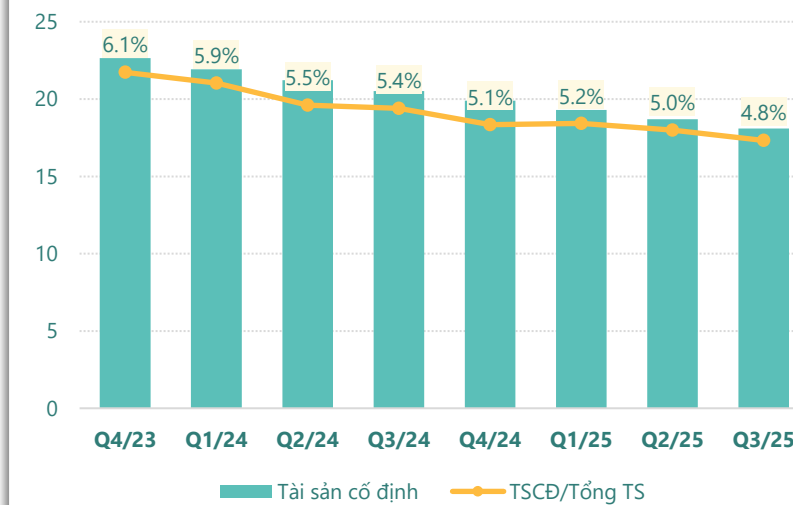
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

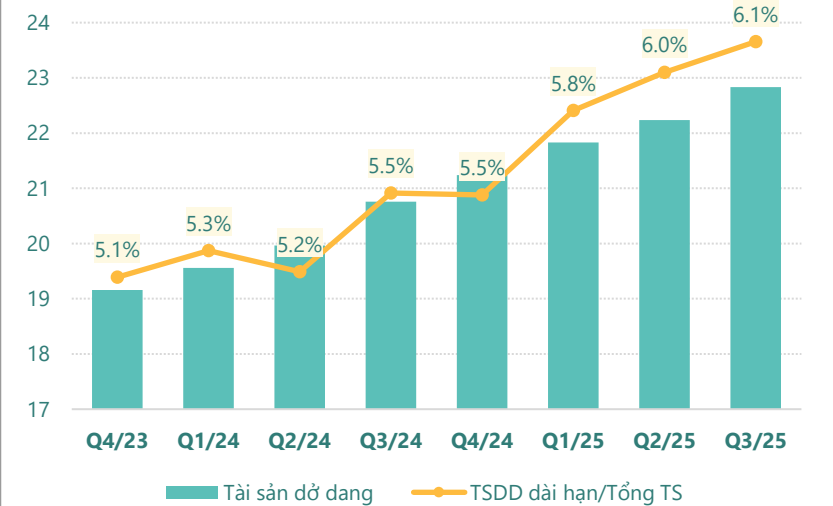
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

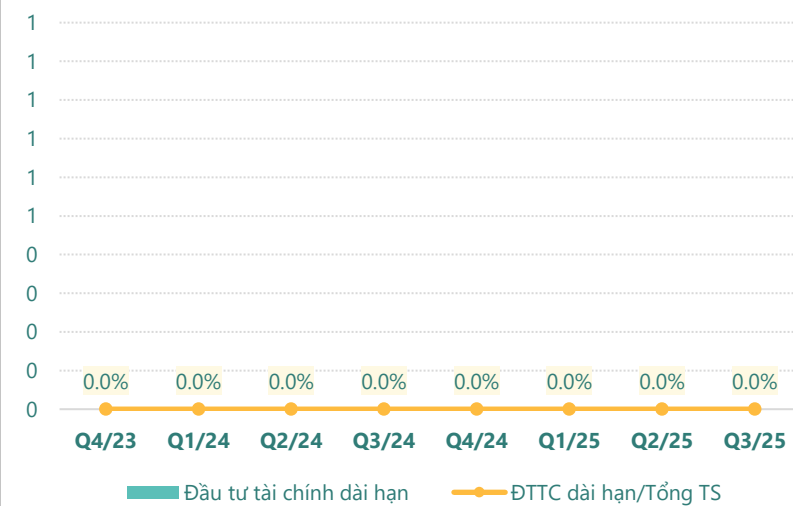
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

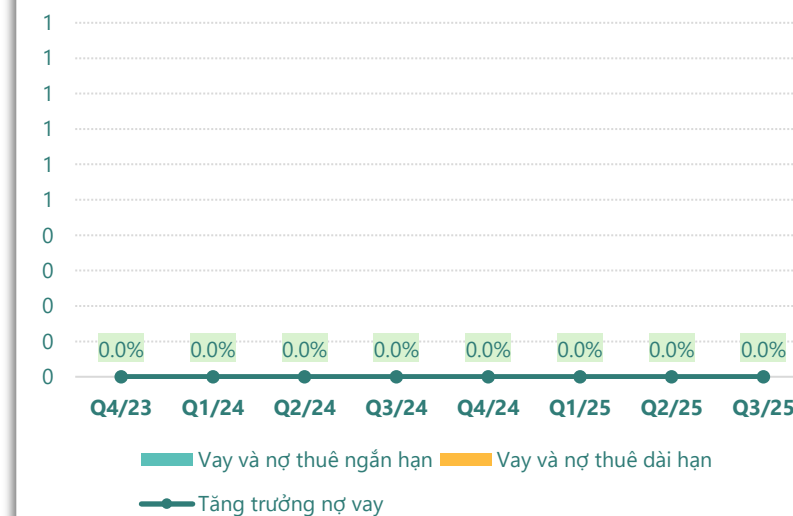
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

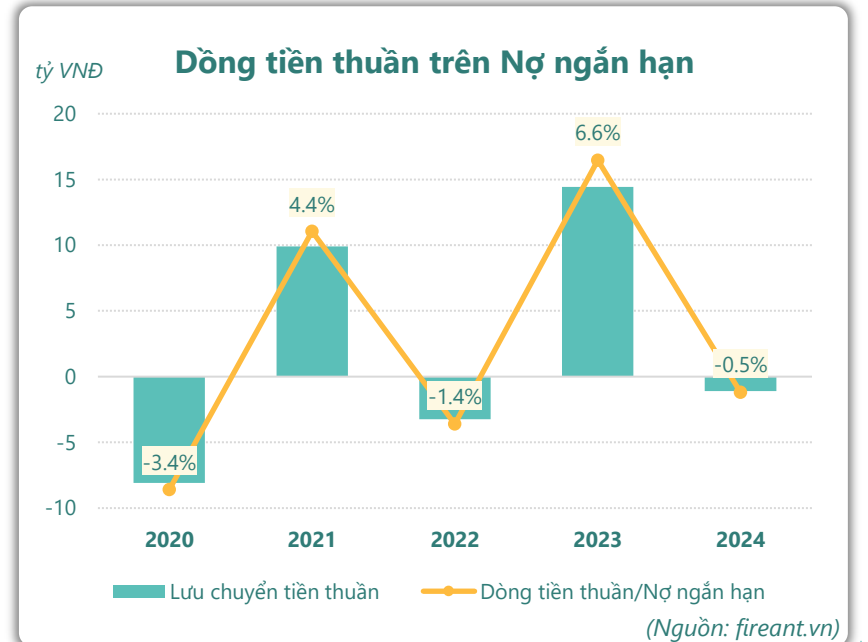
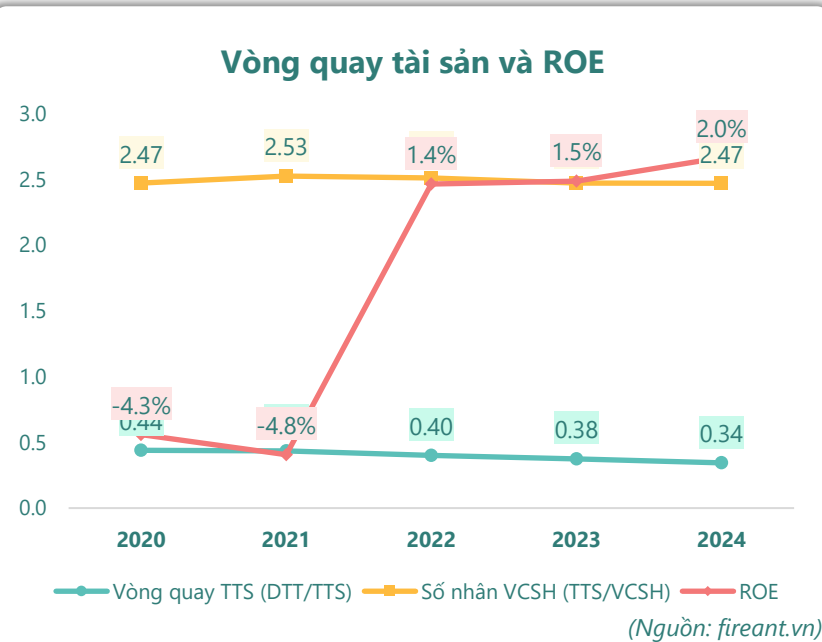
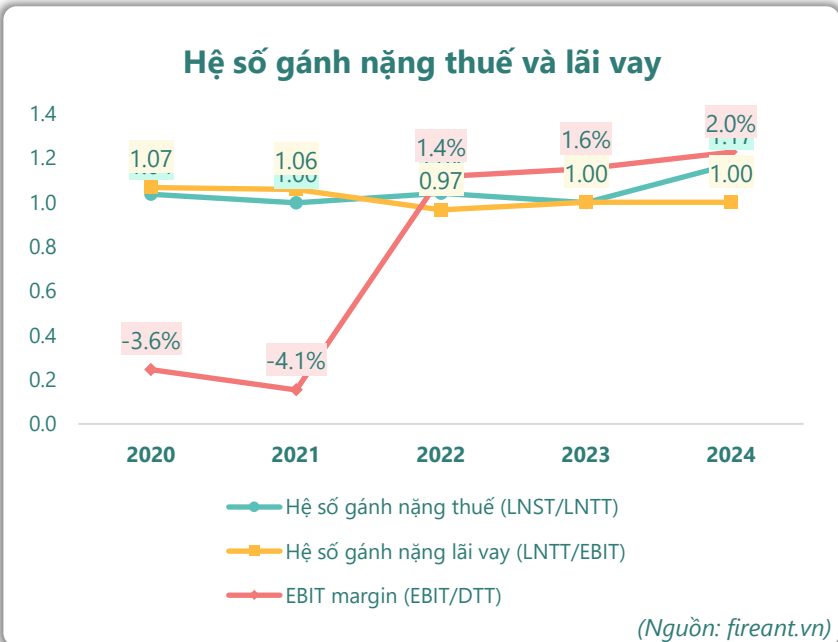
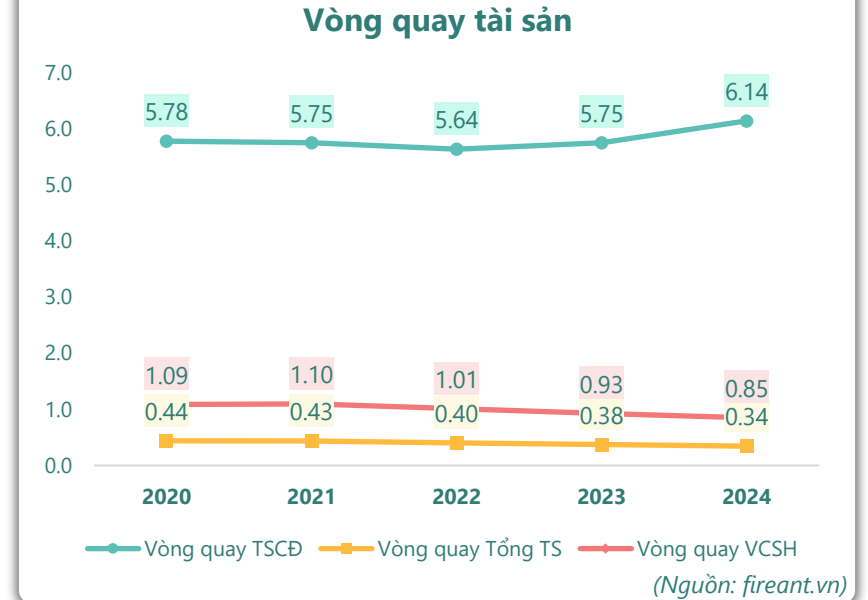
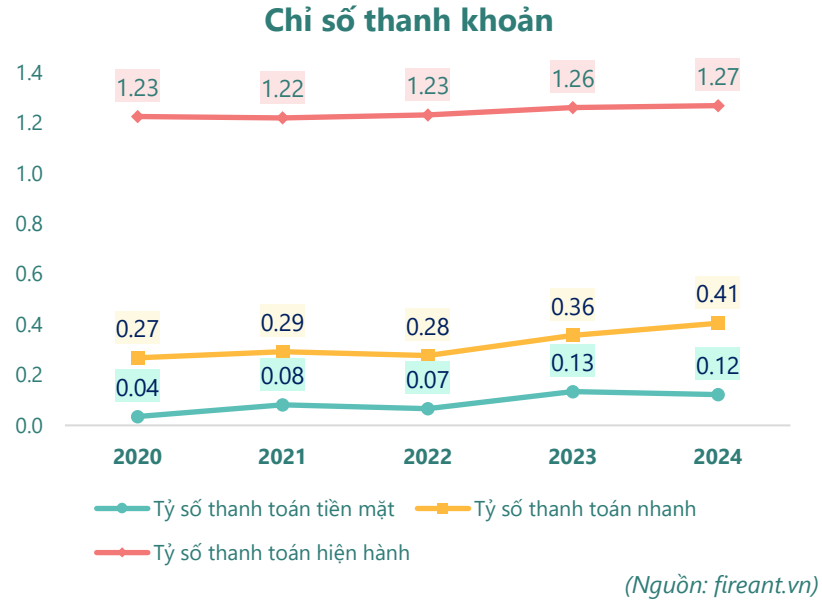
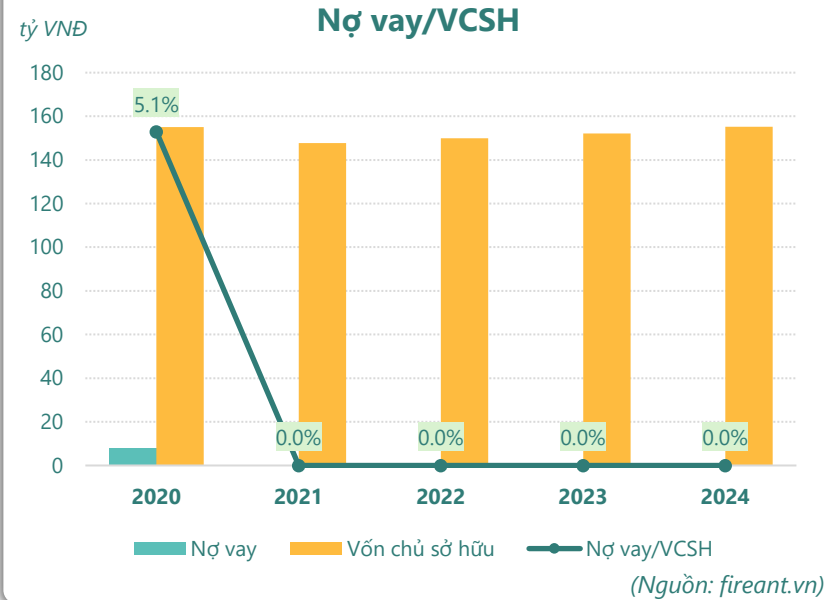
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	26.9	24.4	10.3%	66.3	83.9	-21.0%
Giá vốn hàng bán	23.6	20.5	15.3%	58.4	71.6	-18.4%
Lợi nhuận gộp	3.29	3.86	-14.8%	7.85	12.3	-36.1%
Doanh thu HĐTC	0.35	0.21	67.8%	1.70	1.26	34.6%
Chi phí TC	0	0.00		0.03	0.03	-10.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.27	0.33	-18.1%	0.67	1.09	-38.3%
Chi phí QLDN	2.84	3.38	-16.0%	8.03	10.5	-23.9%
LN thuần từ HĐKD	0.53	0.35	51.8%	0.82	1.87	-56.1%
Lợi nhuận khác	0.11	0.00		0.11	0.00	7590%
LN trước thuế	0.64	0.35	83.0%	0.93	1.87	-50.4%
Lợi nhuận sau thuế	0.51	0.35	45.3%	0.69	1.86	-63.1%
LNST của CĐ cty mẹ	0.51	0.35	45.3%	0.69	1.86	-63.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.66	-1.30	7.12	-2.60	-19.3	16.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.92	-6.33	0.43	2.73	0.61	14.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	25.6	28.4	20.8	28.3	28.4	9.78
Lưu chuyển tiền thuần	2.74	-7.64	7.55	0.13	-18.6	30.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.02	-0.02	0.00	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	28.4	20.8	28.3	28.4	9.78	40.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	373	387	-3.6%
Tài sản ngắn hạn	280	293	-4.2%
Tiền và tương đương tiền	40.6	28.3	43.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.0	38.0	-34.2%
Phải thu ngắn hạn	16.6	26.7	-37.9%
Hàng tồn kho	197	199	-1.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.57	0.52	202%
Tài sản dài hạn	92.6	94.1	-1.6%
Phải thu dài hạn	3.77	3.76	0.3%
Tài sản cố định	18.1	19.9	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.8	21.2	7.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	47.9	49.2	-2.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	217	232	-6.3%
Nợ ngắn hạn	216	231	-6.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.20	14.1	-84.4%
Nợ dài hạn	0.98	1.01	-2.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	156	155	0.4%
Vốn chủ sở hữu	156	155	0.4%
Vốn điều lệ	133	133	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

